TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2023/HNGĐ-PT
Ngày 28 - 7 - 2023
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Tuấn Vương

Các Thẩm phán: Ông Vũ Duy Luân và bà Nguyễn Thị Kim Hằng

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Phạm Tiến Thành- Thư ký Tòa án

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa*:** Ông Phạm Thanh Phong - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 18/2023/TLPT-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2023 về việc: "Tranh chấp về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn".

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 35/2023/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình bị kháng cáo.

Theo theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2023/QĐ-PT ngày 10 tháng 7 năm 2023 của Toà án nhân dân tỉnh Thái Bình giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị T, sinh năm 1994; hộ khẩu thường trú: Thôn P, xã X, huyện V, tỉnh Thái Bình; chỗ ở: Thôn Đ, xã H, huyện T, tỉnh Thái Bình. (có mặt)

- *Bị đơn:* Anh Ngô Đức N, sinh năm 1993; địa chỉ: Thôn P, xã X, huyện V, tỉnh Thái Bình. (có mặt)

Người kháng cáo: Bị đơn - anh Ngô Đức N.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- Nguyên đơn - chị Phạm Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Ngô Đức N tự nguyện tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn vào ngày 25 tháng 02 năm 2020 tại UBND xã X, huyện V, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc được hơn 01 năm thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không có tiếng nói chung, anh N không tôn trọng chị, có lời nói xúc phạm chị và gia đình chị; giữa chị và mẹ đẻ anh N cũng nảy sinh mâu thuẫn. Từ tháng 3 năm 2022, chị đã về nhà bố mẹ đẻ của chị sinh sống. Chị và anh N ly thân từ thời điểm đó, ít liên lạc và không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết cho chị được ly hôn anh N.

Về con chung: Chị và anh N có 01 con chung là Ngô Nhật A, sinh ngày 21 tháng 11 năm 2020. Ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con, không yêu cầu anh N cấp dưỡng. Hiện tại chị làm công nhân tại công ty Yazaki, thu nhập bình quân 05 triệu đồng/tháng. Chị đang sinh sống tại nhà bố mẹ chị, có chỗ ở ổn định, có sức khỏe và thời gian, có kinh tế, có thể hỗ trợ chị trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, gia đình chị cũng đã xây rào chắn ao đảm bảo an toàn cho con theo yêu cầu của anh N. Tại phiên tòa sơ thẩm, anh N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con cho chị mỗi tháng là 03 triệu đồng trong trường hợp chị được giao trực tiếp nuôi dưỡng con chung, chị nhất trí.

Về tài sản: Chị và anh N tự thỏa thuận, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn - anh Ngô Đức N trình bày:

Về thời điểm kết hôn, điều kiện kết hôn giữa anh và chị T, anh nhất trí như lời trình bày của chị T. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống đến ngày 03 tháng 3 năm 2022 thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu do chị T không muốn sống cùng anh và mẹ anh nên đã về nhà bố mẹ. Anh chị sống ly thân từ ngày 03 tháng 3 năm 2022 đến nay. Chị T xin ly hôn anh, anh không đồng ý ly hôn vì anh thấy mâu thuẫn giữa anh và chị T chưa đến mức phải ly hôn, hơn nữa do con chung của anh chị còn nhỏ, anh không muốn con phải chịu ảnh hưởng từ việc ly hôn của bố mẹ.

Về con chung: Anh và chị T có 01 con chung là Ngô Nhật A, sinh ngày 21 tháng 11 năm 2020. Trong thời gian chị T bỏ đi, anh phải một mình chăm sóc con mà không có sự giúp đỡ của chị T. Khi cháu Anh ốm chị T cũng không trông nom. Hiện tại cháu

đang mắc bệnh tự kỷ, đang phải điều trị. Hiện anh làm việc tại Công ty cổ phần Greenfeed Việt Nam, thu nhập khoảng 15 triệu đồng/tháng, có chỗ ở tại nhà mẹ đẻ anh và được mẹ anh hỗ trợ chăm sóc con chung. Do không đồng ý ly hôn nên anh không trình bày quan điểm về con chung.

Về tài sản: Do không đồng ý ly hôn nên anh không trình bày quan điểm về tài sản giữa anh và chị T.

Tại buổi hòa giải ngày 27 tháng 4 năm 2023 tại Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh đồng ý thuận tình ly hôn. Về con chung, chị T xin nuôi con, không yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con, anh nhất trí giao con cho chị T nuôi dưỡng, tuy nhiên chị T phải đảm bảo điều kiện chăm sóc và phát triển an toàn cho con. Về tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tòa án đã lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành giữa chị T và anh. Ngày 04 tháng 5 năm 2023, anh nộp đơn đề nghị thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, cụ thể: Anh không đồng ý ly hôn và không đồng ý giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, anh đồng ý ly hôn với chị T vì vợ chồng không còn tình cảm, không đồng ý giao con cho chị T nuôi dưỡng. Về tài sản, anh trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bản án số 35/2023/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 39 Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý án phí, lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị T được ly hôn anh Ngô Đức N.

2. Về quan hệ con chung: Chị Phạm Thị T và anh Ngô Đức N có 01 con chung là Ngô Nhật A, sinh ngày 21 tháng 11 năm 2020. Ly hôn, giao cho chị Phạm Thị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung Ngô Nhật A. Anh Ngô Đức N cấp dưỡng nuôi con Ngô Nhật

A mỗi tháng là 03 triệu đồng, kể từ khi ly hôn cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, không bị nhược điểm về thể chất, tâm thần. Anh Ngô Đức N có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Chị Phạm Thị T và anh Ngô Đức N có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật.

3. Về tài sản: Không đặt ra giải quyết.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về án phí, quyền yêu cầu, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 05/6/2023, anh N kháng cáo bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Ngô Nhật A, không yêu cầu chị Phạm Thị T cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh N vẫn giữ nguyên kháng cáo, chị T giữ nguyên các quan điểm đã trình bày tại giai đoạn sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm, Thẩm phán và những người tiến hành tố tụng; các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận phần kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án cũng như thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Kháng cáo của anh Ngô Đức N làm trong thời hạn luật định và đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm, do đó kháng cáo của anh được thụ lý và đưa ra xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của anh N thì thấy:

Quá trình giải quyết tại giai đoạn sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, anh N trình bày chị T không quan tâm, chăm sóc con, để mình anh chăm sóc con kể cả khi con ốm, thu nhập của chị T thấp, từ chỗ chị T làm đến nhà ở xa hơn 30 km, gia đình chị T không có điều kiện hỗ trợ cho chị T chăm sóc con vì mẹ chị T bị tiền ung thư, bố chị T cao

tuổi, sức khỏe yếu. Tuy nhiên, anh không có căn cứ chứng minh về việc chị T không có đủ điều kiện nuôi dưỡng con chung, mẹ đẻ chị T đang bị bệnh. Bên cạnh đó, anh cũng thừa nhận trước thời điểm vợ chồng mâu thuẫn (tháng 3 năm 2022), chị T là người mẹ yêu thương con, hoàn thành tốt trách nhiệm và vai trò của người mẹ đối với con; khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, anh trực tiếp nuôi con thì chị T có gửi quần áo, sữa, giầy và tiền về cho con. Hội đồng xét xử nhận thấy, hiện cháu Ngô Nhật A chưa đủ 36 tháng tuổi. Căn cứ vào lời trình bày của anh N, chị T, mẹ đẻ của hai anh chị và thông tin từ địa phương cung cấp thì hiện tại cháu Nhật Anh có biểu hiện không được nhanh nhẹn, hoạt bát như những đứa trẻ cùng lứa tuổi. Do đó, bản án sơ thẩm xử giao con chung Ngô Nhật A cho chị T nuôi dưỡng, buộc anh Ngô Đức N cấp dưỡng nuôi con Ngô Nhật A mỗi tháng là 03 triệu đồng, kể từ khi ly hôn cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, không bị nhược điểm về thể chất, tâm thần là phù hợp, có căn cứ, đúng pháp luật. Tại giai đoạn phúc thẩm, anh N không xuất trình được tài liệu, chứng cứ mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ, vì vậy Hội đồng xét xử phúc thẩm không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo xin được trực tiếp nuôi con chung của anh N như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp.

[3] Về án phí: Yêu cầu kháng cáo của anh Ngô Đức N không được chấp nhận nên anh N phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của anh Ngô Đức N, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 35/2023/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình. Cụ thể:

Căn cứ vào Điều 39 Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5,

điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý án phí, lệ phí Tòa án:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị T được ly hôn anh Ngô Đức N.

1.2. Về quan hệ con chung: Chị Phạm Thị T và anh Ngô Đức N có 01 con chung là Ngô Nhật A, sinh ngày 21 tháng 11 năm 2020. Ly hôn, giao cho chị Phạm Thị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung Ngô Nhật A. Anh Ngô Đức N cấp dưỡng nuôi con Ngô Nhật A mỗi tháng là 03 triệu đồng, kể từ khi ly hôn cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, không bị nhược điểm về thể chất, tâm thần. Anh Ngô Đức N có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Chị Phạm Thị T và anh Ngô Đức N có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật.

1.3. Về tài sản: Không đặt ra giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm: Anh Ngô Đức N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng anh N đã nộp tại biên lai số 0001866 ngày 05/6/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình thành tiền án phí dân sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án ngày 28/7/2023.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- TAND, VKSND, THADS huyện Vũ Thư;
- UBND xã X, huyện V;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Chu Tuấn Vương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Các Thẩm phán

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Duy Luân **Nguyễn Thị Thúy Hoàn**

Chu Tuấn Vương